

Bản tin Phân tích kỹ thuật

30/09/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1GA000 đóng cửa với tín hiệu giảm. Áp lực điều chỉnh đang chiếm ưu thế, do đó nhiều khả năng hợp đồng sẽ tiếp cận khu vực 1.900 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh ngưỡng 1.910 điểm, với mục tiêu 1.900 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.915 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.910 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.900 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.915 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính



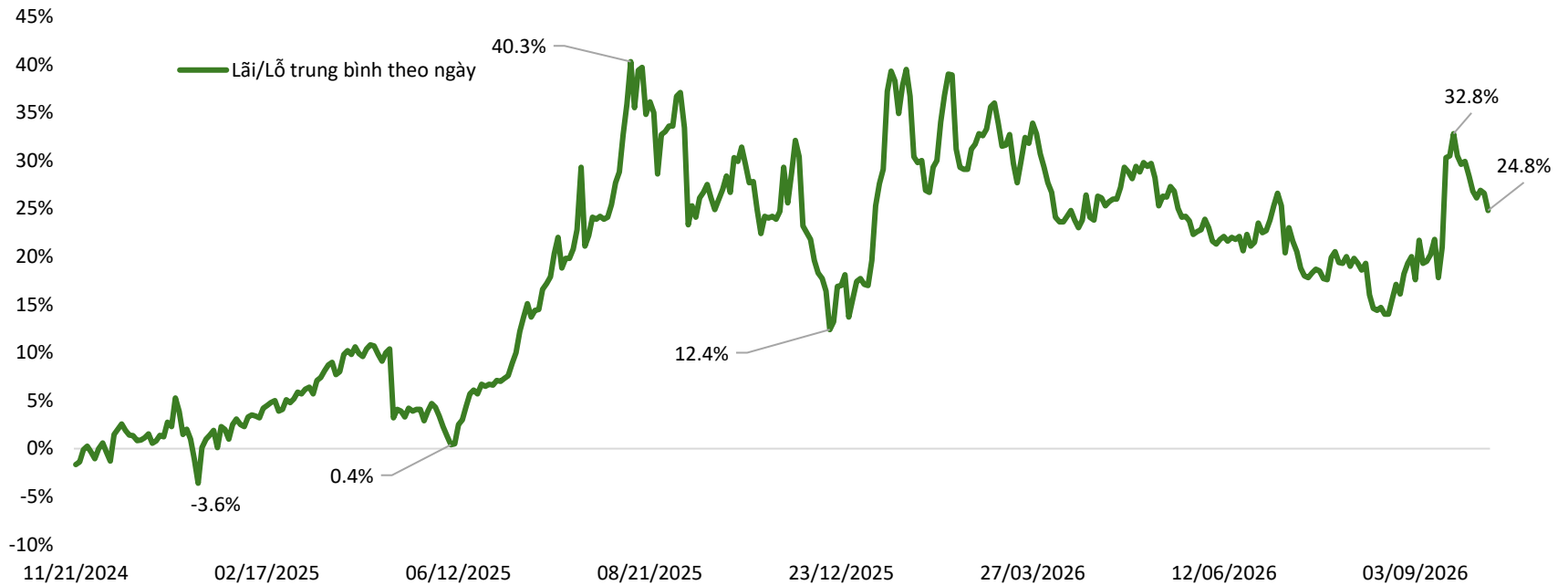
Nguồn: Vietcap

- VN-Index nới rộng đà giảm về cuối phiên với độ rộng thị trường tiêu cực, ghi nhận 178 mã giảm so với 129 mã tăng. So với phiên 29/09, lực mua xuất hiện trở lại tại một số cổ phiếu thuộc nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản khu công nghiệp, Vật liệu, Công nghiệp và Dịch vụ Tiện ích. Tuy nhiên, mức độ lan tỏa chưa đủ rộng để hình thành xu hướng dòng tiền rõ rệt. Ở chiều ngược lại, áp lực bán cũng chưa ghi nhận trạng thái gia tăng đột biến.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vi phạm hỗ trợ 1.775 điểm, khiến vùng 1.770–1.775 điểm trở thành kháng cự trong phiên 01/10. Đà giảm đang chiếm ưu thế nên chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục điều chỉnh về vùng hỗ trợ gần 1.750–1.760 điểm.
- Đánh giá rủi ro bán tháo trong phiên 01/10, áp lực bán hiện chưa ở mức bất thường nhưng lực mua vẫn thiếu sự đồng thuận để hỗ trợ chỉ số hồi phục. Do đó, chúng tôi cho rằng rủi ro bán tháo chưa cao và đà giảm trong phiên 01/10 nhiều khả năng sẽ được giới hạn tại vùng 1.750–1.760 điểm. Tuy nhiên, trong các phiên tiếp theo, chưa thể loại trừ khả năng VN-Index tiếp tục điều chỉnh về khu vực 1.725–1.750 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SSI	24/08/2026		Đang mở	20,100	21,100	-4.7%	19,300	23,000		
STB	27/08/2026	30/09/2026	Đóng hòa vốn	74,000	74,000	0.0%	73,000	82,000	74,000	
VIC	15/09/2026		Đang mở	227,900	241,000	-5.4%	227,000	269,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	45,200	45,400	-0.4%	42,800	56,000		
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,500	33,000	1.5%	30,800	39,500		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	227,900	-0.91%	-3.43%	1,769,002	-3.510	2,752	10.4	82.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	68,500	-1.86%	0.44%	562,715	-2.277	9,730	2.1	7.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GAS	82,000	-3.42%	-3.30%	197,862	-1.469	5,269	2.9	15.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BSR	31,400	-3.38%	0.32%	157,229	-1.156	3,974	2.1	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	23,400	1.96%	6.09%	234,000	0.997	2,982	1.3	7.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	74,000	-2.37%	-3.77%	139,506	-0.720	1,634	2.2	45.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
SSB	18,250	-4.45%	-10.98%	63,306	-0.612	870	1.5	21.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	75,700	5.14%	6.77%	48,486	0.541	5,569	6.0	13.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	30,000	0.84%	-2.28%	233,008	0.425	5,172	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	59,400	-1.49%	-1.82%	124,143	-0.403	5,246	3.9	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	20,550	-2.61%	-1.44%	63,941	-0.362	1,555	6.8	13.2	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
LPS	18,650	-6.28%	-13.26%	26,272	-0.359	836	1.5	22.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	44,000	1.15%	-6.98%	131,440	0.328	3,780	3.1	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	139,000	0.72%	-1.91%	181,729	0.286	5,423	9.7	25.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HPG	20,150	-0.74%	-4.28%	170,126	-0.273	2,750	1.2	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	14,300	5.93%	1.42%	41,822	2.111	136	1.7	105.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	76,000	0.53%	-3.18%	68,384	0.308	16,970	3.2	4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,500	-1.76%	0.90%	20,559	-0.308	3,432	1.3	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
THD	121,000	0.67%	-2.81%	46,585	0.264	395	9.2	306.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	51,500	-5.16%	-3.92%	4,665	-0.205	443	4.2	116.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIT	24,100	-9.74%	-4.37%	1,923	-0.160	1,546	2.2	15.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
VIF	14,000	-3.45%	-4.11%	4,900	-0.144	1,407	1.0	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	107,500	-0.46%	-4.02%	32,250	-0.127	11,734	4.9	9.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	15,600	0.65%	-6.02%	15,615	0.086	1,828	1.3	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHN	8,000	9.59%	17.65%	1,037	0.085	-56	0.7	-143.6	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGR	195,400	36.93%	50.42%	14,264	0.307	6,227	12.5	27.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	62,100	4.55%	7.07%	72,935	0.193	2,341	4.8	26.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DNH	50,000	11.11%	11.11%	21,120	0.137	2,839	3.8	17.6	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	62,000	12.12%	21.57%	12,455	0.088	-648	8.7	-91.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	80,300	-0.37%	-0.37%	244,628	-0.053	4,047	6.5	19.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PAP	30,000	-6.83%	7.14%	10,710	-0.043	-1,817	3.1	-16.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ABB	18,100	2.26%	2.26%	28,851	0.038	2,911	1.3	6.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VNZ	550,000	3.77%	-2.14%	15,603	0.034	15,830	17.0	33.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	60,000	-1.32%	-2.12%	44,450	-0.034	4,936	3.5	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
F88	51,300	-4.82%	-10.00%	12,069	-0.034	4,365	3.2	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

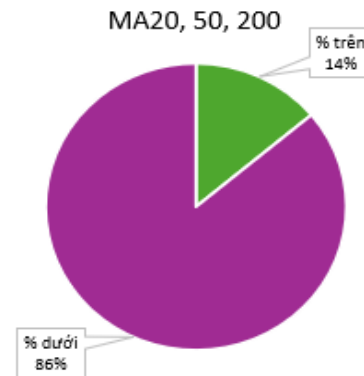
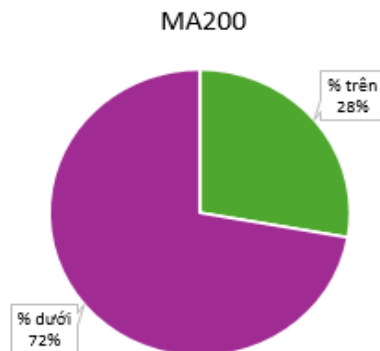
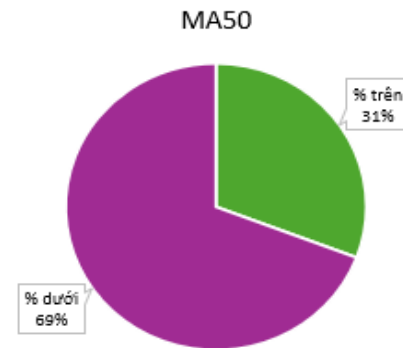
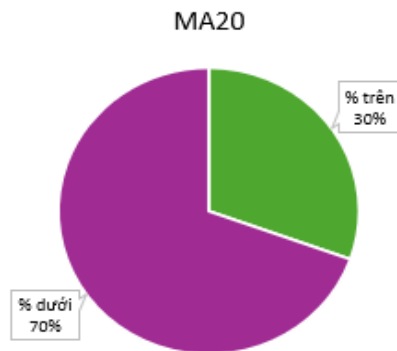
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ABB	18,100	2.3%	113.5	18.6	9,696	17,900	1.3	6.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
QNS	51,200	1.4%	23.2	13.0	40,200	50,500	1.8	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGR	195,400	36.9%	43.0	4.5	49,654	158,501	12.5	27.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	56,900	5.4%	58.0	27.0	19,977	54,000	3.5	27.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	24,650	3.6%	11.0	9.3	15,810	23,800	1.3	10.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HPG	20,150	-0.7%	271.2	394.1	20,200	26,425	1.2	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	60,000	-1.3%	5.6	3.7	60,400	102,500	3.5	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
LPS	18,650	-6.3%	33.8	29.5	19,900	31,800	1.5	22.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	25,400	-0.4%	30.7	32.6	25,500	38,000	1.0	20.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	13,850	-1.1%	70.5	151.7	13,898	23,180	1.0	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	26,600	-7.0%	63.2	187.8	28,600	84,671	1.0	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	13,000	-0.8%	101.9	131.9	13,100	27,400	0.9	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	12,150	-2.0%	63.5	119.1	12,250	30,350	0.8	71.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	19,150	-0.8%	8.5	14.4	19,300	33,089	1.7	17.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	15,300	-1.3%	12.2	23.1	15,500	25,540	0.8	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	21,200	-3.6%	5.4	3.1	22,000	38,091	1.5	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	9,300	-0.1%	8.2	11.0	9,310	19,700	0.4	182.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	5,110	-1.9%	9.0	11.2	5,210	13,100	0.5	12.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	16,200	-0.6%	6.6	5.7	16,300	33,915	1.1	3.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	15,500	-0.6%	10.8	14.7	15,600	27,788	0.8	8.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ABB	18,100	2.3%	113.5	18.6	9,696	17,900	1.3	6.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
NT2	22,100	4.7%	47.7	11.0	20,250	28,900	1.3	5.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CLI	25,300	2.0%	8.5	3.7	22,452	28,624	0.0	0.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	10,200	-0.2%	962.1	183.9	9,696	18,930	0.6	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	77,100	0.1%	48.1	29.8	70,000	85,932	3.1	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	45,000	4.7%	113.7	17.9	34,900	54,467	2.4	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
POW	13,000	2.4%	237.4	79.5	10,910	16,550	1.0	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			30/09/2026	29/09/2026	28/09/2026	25/09/2026	24/09/2026	23/09/2026	22/09/2026	21/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	24%	24%	24%	24%	24%	26%	27%	25%
		Dưới	76%	76%	76%	76%	76%	74%	73%	75%
	MA50	Trên	33%	34%	33%	34%	31%	38%	37%	36%
		Dưới	67%	66%	67%	66%	69%	62%	63%	64%
	MA20	Trên	30%	28%	29%	31%	27%	32%	32%	29%
		Dưới	70%	72%	71%	69%	73%	68%	68%	71%
VN30	MA200	Trên	30%	33%	30%	33%	37%	43%	47%	37%
		Dưới	70%	67%	70%	67%	63%	57%	53%	63%
	MA50	Trên	47%	47%	47%	57%	57%	73%	70%	63%
		Dưới	53%	53%	53%	43%	43%	27%	30%	37%
	MA20	Trên	27%	23%	30%	33%	33%	43%	47%	45%
		Dưới	73%	77%	70%	67%	67%	57%	53%	55%
HNX	MA200	Trên	28%	27%	26%	26%	28%	29%	29%	29%
		Dưới	72%	73%	74%	74%	72%	71%	71%	71%
	MA50	Trên	31%	30%	31%	31%	32%	35%	37%	36%
		Dưới	69%	70%	69%	69%	68%	65%	63%	64%
	MA20	Trên	28%	27%	26%	26%	28%	29%	29%	29%
		Dưới	72%	73%	74%	74%	72%	71%	71%	71%
UPCOM	MA200	Trên	29%	27%	28%	28%	27%	27%	29%	28%
		Dưới	71%	73%	72%	72%	73%	73%	71%	72%
	MA50	Trên	31%	29%	29%	30%	30%	32%	33%	32%
		Dưới	69%	71%	71%	70%	70%	68%	67%	68%
	MA20	Trên	30%	29%	30%	31%	31%	31%	32%	32%
		Dưới	70%	71%	70%	69%	69%	69%	68%	68%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 9																			
		30 ↓	29	28	25	24	23	22	21	18	17	16	15	14	11	10	09	08	07	04	03
↗ 1	Bán lẻ	77	75	72	75	72	71	62	57	61	57	55	55	55	60	66	61	61	61	63	68
↘ 2	Hàng & Dịch vụ Côn...	66	66	64	63	60	60	57	50	54	53	52	50	48	50	52	51	52	55	61	61
3	Dầu khí	59	71	61	53	56	73	73	78	76	79	82	80	68	57	58	58	56	52	63	61
4	Hóa chất	59	61	59	61	60	59	56	56	57	59	59	57	52	55	60	62	60	59	59	60
5	Điện, nước & xăng d...	58	57	51	49	52	54	44	43	46	40	36	35	34	33	34	38	34	38	39	47
6	Ngân hàng	47	48	48	53	52	55	50	51	50	54	52	49	44	44	50	49	50	51	54	52
↘ 7	Tài nguyên Cơ bản	46	49	45	46	46	49	49	48	49	49	47	49	48	50	51	54	54	53	56	59
↘ 8	Du lịch và Giải trí	41	43	43	44	44	46	47	46	45	44	38	35	33	35	35	36	39	35	30	31
↘ 9	Thực phẩm và đồ ướ...	39	40	40	41	43	43	43	43	45	44	44	44	44	45	48	49	50	53	53	53
10	Xây dựng và Vật liệu	37	38	34	36	36	35	32	27	31	30	30	30	27	32	36	37	37	40	40	43
↘ 11	Hàng cá nhân & Gia ...	32	32	32	34	36	37	34	34	38	35	33	36	34	37	40	46	49	51	54	48
↘ 12	Ô tô và phụ tùng	26	28	27	30	32	36	31	37	44	42	42	46	45	47	53	54	54	53	54	52
↘ 13	Bất động sản	25	25	27	30	29	31	34	32	37	36	34	35	36	37	44	45	47	52	52	53
! 14	Công nghệ Thông tin	25	28	29	-	41	40	39	-	-	-	42	39	38	37	41	36	35	35	34	34
15	Dịch vụ tài chính	22	24	23	29	29	30	29	28	36	32	27	30	28	30	41	41	44	46	50	51

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPB	23,400	2.0%	6.1%	234,000	1.3	7.9	2,982	389.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	31,400	-3.4%	0.3%	157,229	2.1	7.9	3,974	413.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	33,300	0.0%	3.6%	133,200	2.2	19.0	1,751	174.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DMX	77,100	0.1%	0.1%	97,741	3.1	15.1	5,122	48.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	55,300	0.7%	3.4%	61,449	4.3	25.2	2,208	106.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	74,500	0.4%	7.5%	55,303	2.2	16.7	4,472	109.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,200	1.1%	0.4%	53,165	1.2	9.0	1,573	127.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,000	0.3%	0.5%	48,958	2.1	6.3	5,818	11.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	14,300	5.9%	1.4%	41,822	1.7	105.3	136	26.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	78,100	1.2%	0.4%	33,809	2.5	13.0	6,023	81.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	18,100	2.3%	2.3%	28,851	1.3	6.2	2,911	113.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
NAB	12,300	0.0%	1.2%	26,554	1.0	5.5	2,251	16.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	147,000	3.5%	4.9%	26,286	5.5	23.1	6,359	184.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	45,000	4.7%	7.1%	20,176	2.4	14.2	3,174	113.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	51,200	1.4%	3.2%	18,735	1.8	9.7	5,267	23.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	46,500	-1.9%	5.7%	15,425	2.4	12.6	3,740	10.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGR	195,400	36.9%	50.4%	14,264	12.5	27.9	6,227	43.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	23,800	-4.6%	3.0%	12,303	1.3	8.6	2,761	199.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PET	56,900	5.4%	28.2%	8,805	3.5	27.8	2,047	58.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	39,650	-0.6%	2.2%	4,213	1.7	7.7	5,172	17.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	29,150	-0.2%	-4.7%	97,050	2.1	15.7	1,858	39.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	10,200	-0.2%	-16.5%	32,668	0.6	5.5	1,847	962.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	25,400	-0.4%	-2.3%	23,921	1.0	20.9	1,218	30.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	13,850	-1.1%	-6.1%	21,084	1.0	7.8	1,773	70.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	26,600	-7.0%	-24.6%	13,612	1.0	5.6	4,780	63.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	51,300	-4.8%	-10.0%	12,069	3.2	12.0	4,365	8.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	13,000	-0.8%	-7.8%	11,693	0.9	11.6	1,119	101.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	13,650	0.0%	-4.2%	9,530	0.8	2.3	5,869	14.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	12,150	-2.0%	-5.8%	8,165	0.8	71.3	170	63.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	19,150	-0.8%	-6.8%	7,295	1.7	17.3	1,105	8.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	15,300	-1.3%	-3.8%	6,595	0.8	5.7	2,679	12.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	9,060	-0.1%	-2.6%	5,205	0.5	7.8	1,164	9.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	21,200	-3.6%	-7.0%	4,937	1.5	12.5	1,692	5.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,490	-0.1%	-4.2%	4,672	0.6	28.1	338	11.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	16,200	-0.6%	-2.4%	2,361	1.1	3.9	4,141	6.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	15,500	-0.6%	-2.8%	1,823	0.8	8.3	1,872	10.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	3,910	-0.3%	-5.1%	1,684	0.3	23.7	165	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	6,510	0.0%	-3.4%	1,345	0.5	8.9	731	5.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	58,000	0.0%	-0.9%	484,629	2.0	11.6	4,984	129.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	80,300	-0.4%	-0.4%	244,628	6.5	19.9	4,047	11.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDH	15,350	0.00%	-3.15%	31,700	106.5%	1,567	0.9	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	7,880	0.00%	2.60%	16,000	103.0%	(354)	0.7	-22.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	10,650	0.95%	-9.36%	21,400	102.8%	2,909	0.8	3.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	72,400	0.70%	-1.09%	140,000	94.7%	6,662	3.0	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDG	15,350	-0.32%	-5.25%	28,700	86.4%	2,298	0.9	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	28,950	1.40%	2.48%	52,000	82.1%	5,852	0.8	5.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	51,300	-4.82%	-10.00%	98,000	81.8%	4,365	3.2	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,400	-0.36%	-1.79%	48,900	77.8%	3,530	1.1	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NLG	21,750	0.46%	-6.25%	36,800	70.0%	1,407	0.8	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	77,100	0.13%	0.13%	130,600	69.6%	5,122	3.1	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEX	24,100	0.84%	-1.03%	40,500	69.5%	1,049	1.6	23.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	18,600	-1.59%	-2.11%	31,900	68.8%	1,850	1.1	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	30,000	0.84%	-2.28%	48,800	64.0%	5,172	1.2	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,050	-0.71%	0.36%	23,100	63.3%	1,976	0.7	7.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVL	10,200	-0.24%	-16.46%	16,200	57.3%	1,847	0.6	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,000	4.65%	7.14%	66,800	55.3%	3,174	2.4	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	33,600	0.30%	0.00%	51,200	52.8%	5,201	2.1	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	19,650	0.26%	-1.75%	29,600	51.0%	3,241	1.3	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	26,600	-6.99%	-24.65%	42,900	50.0%	4,780	1.0	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	24,350	0.83%	-2.21%	35,600	47.4%	3,191	1.1	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn